CÔNG TY TNHH 2N CLINIC AND ACADEMY

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH 2N CLINIC AND ACADEMY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 2N CLINIC AND ACADEMY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110673086

3. Ngày thành lập: 03/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, Ngách 91/16, Đường Trần Duy Hưng, Tổ 15, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0941877336* Fax:

Email: *2nclinic.academy@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	*4610*
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột... - Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	*4632*
5.	Bán buôn đồ uống	*4633*
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh ;	*4649(Chính)*
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*

10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất nhà nước cấm kinh doanh, trừ các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)	*4669*
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ họp báo)	*8230*
14.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*
16.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo trình độ trung cấp	*8532*
17.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	*8620*
18.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng	*8692*
19.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ	*8699*
20.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	*9329*
21.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ massage dưỡng sinh, tắm hơi, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	*9610*
22.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	*9631*
23.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	*4690*
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
25.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
27.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác	*1030*
28.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
29.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	*4791*
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
31.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*

32.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
33.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
34.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
35.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
37.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*

6. Vốn điều lệ: 750.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ NHU	Việt Nam	Thôn 4, Xã Du Lễ, Huyện Kiến Thuỵ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	525.000.000	70,000	030185002975	
2	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Việt Nam	Số 28, ngách 53/2 Nguyễn Ngọc Vũ, tổ 2, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	225.000.000	30,000	001189006012	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHU Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *14/07/1985* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030185002975*

Ngày cấp: *13/08/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 4, Xã Du Lễ, Huyện Kiến Thuỵ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 130 đường Phan Đăng Lưu, Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

***** Họ và tên: PHẠM THỊ THU PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/07/1989* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001189006012*

Ngày cấp: *16/08/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 28, ngách 53/2 Nguyễn Ngọc Vũ, tổ 2, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 1, Ngách 91/16, Đường Trần Duy Hưng, Tổ 15, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội